

17. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 
- 17.1. Nông học (Agronomy)
 - 17.2. Bảo vệ thực vật (Plant Protection)
 - 17.3. Dâu tằm tơ và nuôi ong (Sericulture and bee keeping)
 - 17.4. Khoa học đất và phân bón (Soil Science and Fertilizer Management)
 - 17.5. Quản lý tài nguyên môi trường nông lâm nghiệp
 - 17.6. Khoa học cây trồng (Crop Science)
 - 17.7. Khoa học môi trường (Environmental Science)
 - 17.8. Môi trường đất và nước (Land and water environment)
 - 17.9. Độc chất học môi trường (Environmental toxicology)
 - 17.10. Công nghệ sau thu hoạch
 - 17.11. Quản lý đất đai (Land management); Địa chính (Land Administration); Quy hoạch sử dụng đất (Land use planning); Tài nguyên và Môi trường đất (Land Soil/Land Resources and Environment); Tài nguyên đất đai (Soil/Land Resources); Bất động sản
 - 17.12. Bảo quản, chế biến nông lâm sản (Food and Wood Preserving and Processing)
 - 17.13. Thủy nông (Water Management)
 - 17.14. Lâm học (Silviculture)
 - 17.15. Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp (Natural Resource Management and Agro - Forestry Ecosystem)
 - 17.16. Lâm nghiệp xã hội (Social Forestry); Kiến trúc cảnh quan (Landscape architecture)
 - 17.17. Nông - Lâm nghiệp đô thị (Urban Agriculture and Forestry)
 - 17.18. Công nghệ sinh học nông lâm nghiệp (Agro - Forestry Biotechnology)
 - 17.19. Khuyến nông và Phát triển nông thôn (Agricultural Extension and Rural Development)
 - 17.20. Thiết kế nội thất (Interior Design); Công nghệ chế biến lâm sản (Forest product processing technology)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học nước ngoài cấp quốc gia và quốc tế (có chỉ số ảnh hưởng/Impact Factor cao $IF \geq 2$)*		Tạp chí	WoS, Scopus (Q1)	3,0
				WoS, Scopus (Q2, Q3, Q4)	0 – 2,0
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác*		Tạp chí	Do HDGS liên ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo Khoa học tại Hội nghị Khoa học Quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

4.	Báo cáo Khoa học tại Hội nghị Khoa học Quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có ISBN	0 – 0,5
5.	Bảo vệ Rừng và Môi trường	2615-9090	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam	0 – 0,5 0 từ 2025
6.	Bảo vệ Thực vật	2354-0710 0868-2801	Tạp chí	Cục Bảo vệ Thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 – 0,75 0 – 0,5 từ 2025
7.	Công nghệ Sinh học	p-2815-5955 e-2815-5912 1811-4989 (1859-2201)	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 - 1,0 từ 2019
8.	Địa chất (Journal of Geology)	0866-7381-V 1859-0659-E	Tạp chí	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,25
9.	Dược liệu	1859-4735 (0868-3859)	Tạp chí	Viện Dược liệu	0 – 0,5
10.	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	0866-7144 (2572-8288)	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 từ 2017 đến hết 2018
11.	Hóa học và Ứng dụng	1859-4069 (0866-7004)	Tạp chí	Hội Hóa học Việt Nam	0 – 0,75 từ 2017 đến hết 2018
12.	- Khoa học - Journal of Sciences VNU: Khoa học tự nhiên và Công nghệ (Tên cũ: Khoa học – Khoa học tự nhiên)	p-2615-9317 e-2588-1140 0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
13.	Khí tượng Thủy văn	2525-2208 (0866-8744)	Tạp chí	Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,25
14.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên (Tên cũ: Khoa học Đại học Huế)	1859-1388 e-2615-9678	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2025
15.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development (Cũ: Can Tho University Journal of Science)	1859-2333-V 2615-9422-E	Tạp chí ACI	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 1,0 0 – 1,25 từ 2024 0 – 1,0 từ 2025
16.	Khoa học	1859-2759	Tạp chí	Trường Đại học Hồng Đức	0 – 0,5
17.	Khoa học	2354-1059 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

18.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
19.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2021
20.	Khoa học	1859-4611	Tạp chí	Trường Đại học Tây Nguyên	0 – 0,5
21.	Khoa học	2354-1091	Tạp chí	Trường Đại học Tây Bắc	0 – 0,5 từ 2017 đến hết 2018 0 – 0,5 từ 2021 0 – 0,25 từ 2025
22.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,5
23.	Khoa học - Công nghệ Thủy sản	1859-2252	Tạp chí	Trường Đại học Nha Trang	0 – 0,5 0 từ 2025
24.	Khoa học Công nghệ Chăn nuôi	1859-0802	Tạp chí	Viện Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 – 0,5 0 từ 2025
25.	Khoa học Đại học Đồng Tháp: Khoa học tự nhiên	0866-7675	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Tháp	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024
26.	Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (chuyên san từ 2020)	2588-1191 (1859-1388)	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
27.	Khoa học Đất	0868-3743	Tạp chí	Hội Khoa học đất Việt Nam	0 – 0,75
28.	Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi	1859-476X (0868-3417)	Tạp chí	Hội Chăn nuôi Việt Nam	0 – 0,5 0 từ 2025
29.	Khoa học kỹ thuật ngành Ong	0868-3530	Tạp chí	Trung tâm Ong, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 – 0,25 0 từ 2025
30.	Nông nghiệp và phát triển, The Journal of Agriculture and Development Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	p-2615-9503 e-2615-949x (1859-1523)	Tạp chí	Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,75
31.	Khoa học Kỹ thuật Thú y	0868-2933	Tạp chí	Hội Thú y Việt Nam	0 – 0,5 0 từ 2025
32.	Khoa học Lâm nghiệp	1859-0373	Tạp chí	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2025
33.	Khoa học Nông nghiệp và Phát triển	2815-5866	Tạp chí	Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang	0 – 0,25 từ 2022

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

34.	- Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (<i>Tên cũ</i> : Khoa học và Phát triển; KH KT Nông nghiệp) - Vietnam Journal of Agricultural Sciences	3093-3668 3030-4458 3030-4156 3030-4520 (1859-0004-V 2588-1299-E)	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 – 1,0
35.	Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam	1859-4700	Tạp chí	Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam	0 – 0,25 0 từ 2025
36.	Khoa học Quốc tế AGU (<i>Tên cũ</i> : Khoa học)	0866-8086	Tạp chí	Trường Đại học An Giang, ĐHQG TPHCM	0 – 0,5 từ 2017 đến hết 2018
37.	Khoa học Tài nguyên và Môi trường	0866-7608	Tạp chí	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2024
38.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
39.	Khoa học và Công nghệ	1859-3585	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017 đến hết 2018
40.	Khoa học và công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0
41.	Khoa học và Công nghệ (bản C, tiếng Anh)	p-2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,25 từ 2019 0 – 1,0 từ 2024
42.	Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp	1859-3828	Tạp chí	Trường Đại học Lâm nghiệp	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2017
43.	Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp	2588-1256	Tạp chí	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2021 0 – 1,0 từ 2023
44.	Khoa học và Công nghệ nông nghiệp Việt Nam	1859-1558	Tạp chí	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	0 – 1,0
45.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản B)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017 0 – 1,0 từ 2019
46.	Nông nghiệp và Môi trường (<i>Tên cũ</i> : Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; KHKT Nông nghiệp; Nông nghiệp & Công nghiệp thực phẩm; Lâm nghiệp, Thủy lợi; Kinh tế NN)	3093-3382 (1859-4581 0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	0 – 1,0
47.	Phân tích Hóa Lý Sinh	0868-3224	Tạp chí	Hội KHKT Phân tích Hóa Lý Sinh học Việt Nam	0 – 1,0 từ 2017 đến hết 2018

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

48.	Rừng và Môi trường	1859-1248	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,25 từ 2025
49.	Sinh học - Academia Journal of Biology	0866-7160	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2019
50.	Kinh tế sinh thái	1859-2317	Tạp chí	Viện Kinh tế sinh thái	0 - 0,5 0 từ 2023
51.	Khoa học Đại học Công thương	p-3030-4113 e-3030-413X	Tạp chí	Trường Đại học Công thương TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
52.	Khoa học Công nghệ	1859-3968	Tạp chí	Trường Đại học Hùng Vương	0 – 0,25 từ 2024
53.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Trái đất và Môi trường	2588-1078	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
54.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Tự nhiên	2588-106X	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
55.	Môi trường	2516-9597	Tạp chí	Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 – 0,25 từ 2024
56.	Khoa học và Công nghệ	2574-9500	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đông	0 – 0,25 từ 2024
57.	Khoa học Đại học Hạ Long	p-2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0 – 0,25 từ 2025
58.	Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm	p-2615-9252 e-2734-9152	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia	0 – 0,25 từ 2025
59.	Khoa học Trường Đại học Trà Vinh	p-2815-6072 (1859-4816) e-2815-6080-V e-2815-6099-E	Tạp chí	Trường Đại học Trà Vinh	0 – 0,25 từ 2025
60.	Vietnam Journal of Marine Science and Technology	1859-3097 e-2815-5904	Tạp chí	Viện Hải dương học	0 – 0,25 từ 2025

*** Ghi chú:**

- Nội dung bài báo phải bảo đảm học thuật, phù hợp với chuyên môn liên quan và được đăng trên các tạp chí hoạt động hợp pháp.
- Tạp chí quốc tế uy tín là tạp chí được lập chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu như Web of Science (WoS) và Scopus.
- Chất lượng bài báo quốc tế uy tín được đánh giá dựa trên xếp hạng SCImago (Q1-Q4).
- Số lượng trích dẫn của các bài báo đã được xuất bản trên 5 năm trước cũng là một tiêu chí được xem xét trong quá trình đánh giá chất lượng bài báo.
- Tạp chí có uy tín vượt trội là tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science Core Collection, có chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor – IF) lớn hơn 2.

- Tạp chí quốc tế khác là các tạp chí quốc tế không thuộc danh mục Web of Science (WoS) hoặc Scopus.

3. Nhà xuất bản quốc tế uy tín

a) Wiley hoặc John Wiley and Son (Hoa Kỳ); Springer Nature (Đức), Oxford University Press (Anh), Cambridge University Press (Anh), Elsevier (Hà Lan, trên 135 năm); Cold Spring Harbor Laboratory Press (Hoa Kỳ từ 1933).

b) Các trường đại học lớn, có uy tín khoa học cao thuộc TOP 100 trên thế giới xuất bản (theo danh mục xếp hạng của THE).

c) Nhà xuất bản trên thế giới của SENSE (Socio-Economic and Natural Sciences of the Environment); các nhà xuất bản thế giới đã được xếp nhóm A, B và C.

4. Tác giả chính: Tác giả đứng tên đầu hoặc một tác giả liên hệ (tác giả liên hệ duy nhất).